



www.ceco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015



Địa chỉ: Số 21A Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 38455777 Fax: (84-4) 38232325
Email: engineering@ceco.com.vn

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng phát triển.....	9
6. Các rủi ro	10
II. Tình hình hoạt động trong năm	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tổ chức và nhân sự.....	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	22
4. Tình hình tài chính	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	23
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	25
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
2. Tình hình tài chính	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	26
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	26
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	28
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	28
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	30
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	30
V. Quản trị Công ty.....	31
1. Hội đồng quản trị.....	31
2. Ban kiểm soát.....	36
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	40
VI. Báo cáo tài chính.....	41
1. Ý kiến kiểm toán	41
2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán	42
(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này)	42

DANH SÁCH BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.....	14
Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2015.....	14
Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc.....	14
Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên.....	21
Bảng 5: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của VMEC trong năm 2015.....	22
Bảng 6: Tình hình tài chính.....	22
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	23
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông.....	24
Bảng 9: Cổ đông lớn.....	24
Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	25
Bảng 11: Tình hình tài sản.....	25
Bảng 12: Nợ phải trả.....	25
Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.....	26
Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT.....	31
Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	36
Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS.....	41
Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ.....	41
Sơ đồ 1: Mô hình quản trị.....	3

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 06/05/2015
- Vốn điều lệ: 29.885.180.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 29.885.180.000 đồng
- Địa chỉ: 21 A, Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 84-(04)-3845 5777
- Số fax: 84-(04)-3823 2325
- Website: <http://ceco.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CEC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Năng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112 CP thành lập Viện thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc.

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

- Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSĐT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Năng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày

24/10/2005) hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Ngày 01/04/2006, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và quy định của Luật Doanh nghiệp với mức vốn điều lệ ban đầu là 8.000.000.000 đồng.

Ngày 16/5/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520.000 đồng.

Ngày 29/05/2012, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập và vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất với sự tham dự của Ông Nguyễn Nam Hải- Thứ trưởng Bộ Công Thương. Trước niềm vinh dự lớn lao và tự hào này, Công ty cố gắng phấn đấu tiếp tục phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được, đoàn kết nhất trí, đẩy mạnh lao động sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và phấn đấu đứng trong nhóm 5 công ty tư vấn kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam.

Ngày 08/02/2013, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

Ngày 28/02/2014, Sở GDCK chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.988.518 cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu và phát triển; triển khai các dự án khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền công nghệ;

- Tư vấn quy hoạch phát triển ngành; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật; tư vấn giám sát; cung cấp dịch vụ quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật;

- Khảo sát, thiết kế, hướng dẫn thi công;

- Kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng công trình;

- Cung cấp dịch vụ môi trường;

- Tổng thầu các dự án tích hợp.

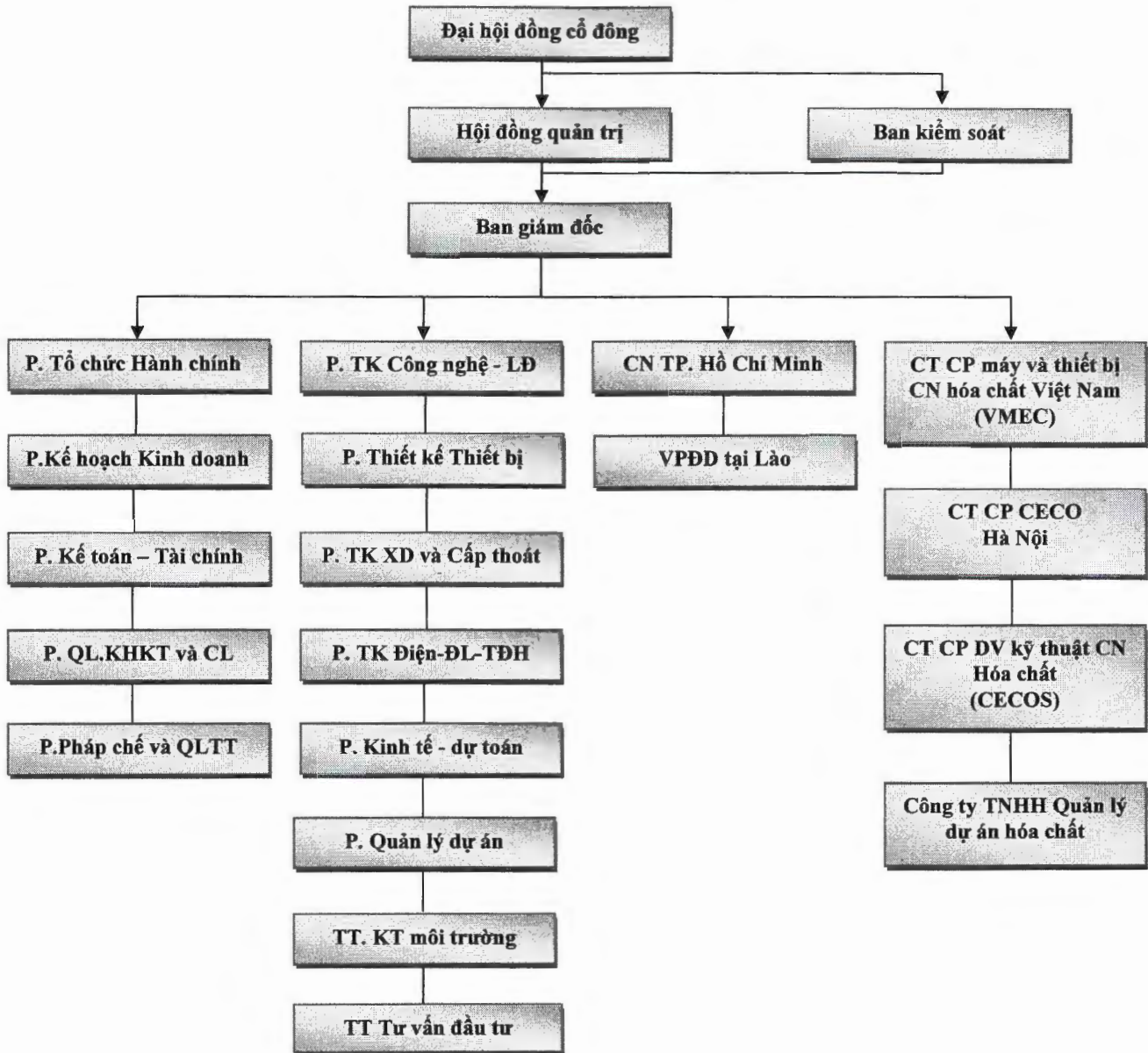
❖ Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước, tập trung ở các tỉnh: Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, luật số 62/2010/QH12

ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015.

- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất có năm (05) thành viên bao gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên HĐQT. Danh sách thành viên HĐQT hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Ông Đỗ Hiên Ngang
2	Thành viên	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
3	Thành viên	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên	Ông Nguyễn Công Thắng
5	Thành viên	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Danh sách thành viên Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng ban	Ông Nguyễn Văn Bang

2	Thành viên	Bà Nguyễn Thị Bích
3	Thành viên	Bà Nguyễn Thị Kim Liên

❖ Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Phó giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó giám đốc	Ông Trần Đăng Thái
4	Phó giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng

❖ Các phòng ban chức năng

✚ *Phòng Tổ chức – Hành Chính*

- Nghiên cứu, xác lập cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty và các đơn vị trong Công ty. Xây dựng kế hoạch, định biên lao động hàng năm và từng thời kỳ theo phương hướng, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty;

- Quản lý công tác tổ chức - cán bộ theo quy định phân cấp quản lý. Nghiên cứu, xây dựng Tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty theo quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển Công ty trình Giám đốc duyệt Ban hành. Tham gia soạn thảo Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Quy định, Văn bản, Quyết định về công tác tổ chức - cán bộ, nhân sự và liên quan trình Giám đốc duyệt ban hành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét duyệt, ban hành;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, quy hoạch cán bộ, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ trong Công ty. Chuẩn bị và đề xuất đề cấp có thẩm quyền đề bạt, bổ nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty. Lựa chọn đề cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ tại Công ty hoặc khi cơ quan ngoài tổ chức (kể cả đi tham quan, thực tập, nghiên cứu trong, ngoài nước) trình Giám đốc duyệt;

- Quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo đúng Quy định của Nhà nước và của Công ty. Xử lý Công văn "đi", "đến" trước khi trình Giám đốc Công ty giải quyết, chuyển và truyền đạt Công văn, Chỉ thị đến Đơn vị hoặc người thi hành. Thực hiện chế độ bảo mật tài liệu và công tác văn thư trong cơ quan.

✚ *Phòng Kế toán – Tài chính*

- Tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện toàn bộ công việc tài chính, kế toán thống kê ở Công ty;

- Thực hiện các công tác liên quan đến các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Công ty. Lập kế hoạch thu, chi tài chính và các báo cáo về hoạt động tài chính của Công ty;

- Đảm bảo thực hiện đúng đắn, đầy đủ chế độ thống kê, kế toán tài chính theo quy định của nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;

- Hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm soát việc thực hiện các quy định về kế toán, thống kê, hạch toán nội bộ của các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện đúng các quy định của nhà nước và Công ty về chế độ thống kê, kế toán, tài chính;

- Đảm bảo thực hiện thu, chi tài chính đúng chế độ hiện hành của nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty. Đảm bảo trích nộp đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định về thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước;

- Thực hiện kiểm toán nội bộ, phân tích kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng doanh lợi, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh của Công ty;

- Nghiên cứu, xây dựng các quy chế, các hướng dẫn có liên quan đến quản lý tài chính, kế toán, thống kê và hạch toán nội bộ trong Công ty.

✦ *Phòng Kế hoạch – Kinh doanh*

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chiến lược phát triển ngành có liên quan để định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty;

- Tìm hiểu, quan hệ với các đối tác và tiếp cận thị trường để kiến tạo việc làm và thương thảo hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác trong và ngoài nước;

- Tổng hợp, cân đối, lập kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và kế hoạch dài hạn về sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, trình Giám đốc duyệt và bảo vệ kế hoạch trước cấp trên xét duyệt. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao hoặc các công việc đột xuất khi Công ty yêu cầu.

- Phân tích đánh giá hiệu quả thực hiện các hợp đồng.

✦ *Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin*

- Thực hiện công tác pháp chế, tổ chức xây dựng quy chế; Kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ;

- Quản lý thông tin nội bộ, phát triển hệ thống tin học;

- Công tác cổ đông và quan hệ công chúng;

- Công tác thư ký lãnh đạo.

✦ *Phòng Quản lý khoa học, kỹ thuật và chất lượng*

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học và chất lượng của các bộ phận trong Công ty;
- Tổ chức và chủ trì việc biên soạn, cải tiến, phổ biến các tài liệu quản lý chất lượng.
- Giúp Giám đốc quản lý các hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng do Công ty đăng ký áp dụng. Thực hiện vai trò đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của ISO 9000 hiện áp dụng tại Công ty.

✚ *Phòng Thiết kế Công nghệ - Lắp đặt*

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành công nghệ, lắp đặt thiết bị, đường ống và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

✚ *Phòng Thiết kế Thiết bị*

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát chế tạo thiết bị ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Thực hiện các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

✚ *Phòng Thiết kế Xây dựng và Cấp thoát nước*

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

✚ *Phòng Thiết kế Điện – Đo lường – Tự động hóa*

- Thiết kế cung cấp điện động lực, chiếu sáng cho toàn bộ công trình, cho các nhà sản xuất chính và các công trình phụ trợ hành chính, sinh hoạt;
- Giám sát tác giả, giám sát thi công lắp đặt, tham gia điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với thực tế thi công khi cần thiết, nghiệm thu chạy thử các hạng mục thiết kế thuộc trách nhiệm thiết kế của Phòng; Thẩm tra các hạng mục thiết kế điện - đo lường - tự động hóa có liên quan do cơ quan khác lập khi có yêu cầu.

✚ *Phòng Kinh tế - Dự toán*

- Thực hiện công tác lập dự toán, tổng mức đầu tư, phân tích kinh tế dự án, hiệu quả kinh tế dự án.
- Thẩm tra, thẩm định dự toán, tổng mức đầu tư.
- Thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ và các văn bản pháp quy liên quan đến công tác dự toán, định mức, đơn giá, lập cơ sở dữ liệu về giá công trình theo phiếu giao việc, đề tài nội bộ.
- Các công việc khác liên quan đến công tác chuyên môn nghiệp vụ, kinh tế dự án khác.

✚ *Phòng Quản lý dự án*

- Là đầu mối quản lý dự án; công tác tiến độ, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình; quản lý hồ sơ dự án; quản lý chất lượng thi công công trình;
- Tổ chức các cuộc họp, buổi làm việc, công tác của Ban điều hành dự án và các bên liên quan;
- Đảm nhận công việc thiết kế của dự án;

- Cung cấp nhân lực thực hiện mua sắm;
- Cung cấp nhân lực thực hiện quản lý và giám sát thi công;
- Các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

✦ *Trung tâm Tư vấn Đầu tư*

- Lập các nghiên cứu định hướng đầu tư ban đầu.
- Tư vấn chuẩn bị đầu tư, gồm:
 - + Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình...
 - + Lập các dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án
 - + Thực hiện các dịch vụ khảo sát, điều tra liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư
- Tư vấn thực hiện đầu tư:
 - + Lập hồ sơ mời thầu cho các Chủ đầu tư trong và ngoài nước
 - + Tham gia các tổ chuyên gia tư vấn của các Chủ đầu tư, tư vấn giám sát
 - + Phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

✦ *Trung tâm Kỹ thuật môi trường*

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

✦ *Các đơn vị trực thuộc*

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Trụ sở tại: 37/76 Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi
Trụ sở tại: Số 61 Trương Định, phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Văn phòng đại diện tại nước CHDCND Lào
Trụ sở tại: Bản Na Bô, Huyện Thà Khẹt, Tỉnh Khăm Muộn, nước CHDCND Lào.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết.

✦ *Công ty cổ phần Máy và Thiết bị hóa chất Việt Nam (VMEC)*

- Trụ sở chính: Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 17.250.000.000 đồng (*Bằng chữ: mười bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại VMEC là: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại; sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

✚ Công ty cổ phần CECO Hà Nội

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại Công ty CP CECO Hà Nội là: 51% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ thi công xây lắp nhỏ, sửa chữa chống ăn mòn các nhà máy hoá chất, khoáng sản.

✚ Công ty CP dịch vụ Kỹ thuật và Công nghiệp hóa chất (CECOs)

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại CECOs là: 51% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp, sửa chữa, bảo trì các nhà máy nhiệt điện khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh.

✚ Công ty CP Công nghiệp hóa chất Tây Ninh (TANICHEM)

- Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tây Ninh.

- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: một trăm hai mươi tỷ đồng*)

Tỷ lệ sở hữu của CECO tại TANICHEM là: 1,365% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất phân bón.

✚ Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (đang thực hiện thủ tục thành lập theo quyết định số 78/QĐ-CECO của HĐQT ngày 21/03/2016)

- Trụ sở chính: 21A, Cát Linh, Hà Nội (dự kiến)
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (dự kiến)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ cho thuê nhân lực quản lý dự án, dịch vụ tư vấn quản lý dự án công nghiệp.

5. Định hướng phát triển

✚ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên tập trung trí tuệ, luôn đổi mới nhận thức, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, với cơ cấu giá trị hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ kỹ thuật môi trường. Công ty đã và đang hướng tới những dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất lớn và các công trình công nghiệp khác liên quan.

- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.

- Phấn đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ đông năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ 5 đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.

- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và dịch vụ môi trường.

✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác chi đạo, quản lý chất lượng, tiến độ các dự án đặc biệt là các dự án EPC.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có thế mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

✦ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, tư vấn và định hướng cho khách hàng tiếp cận công nghệ sạch, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất phân bón và đổi mới công nghệ trong sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tích cực tham gia các phong trào vì trách nhiệm xã hội và cộng đồng do Bộ Công thương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở phát động.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

✦ Tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động. Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, năm 2014 là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm (2011-2015) kể từ 2011 đến nay, tăng trưởng kinh tế không chỉ về đích mà còn vượt kế hoạch. So với kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% mà Quốc hội đưa ra thì năm 2014 đạt 5,98%.

Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng trưởng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá đều đặn từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 5% thời điểm tháng 8/2012. Năm 2013, với mục tiêu hàng đầu là kiềm chế lạm phát, tỷ lệ lạm phát đã được Chính phủ đưa xuống ở mức 6%. Tính chung cả năm 2014, lạm phát chỉ tăng 1,84%, đây là mức rất thấp so với mục tiêu kiềm chế lạm phát 7% và cũng là mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, giúp Doanh nghiệp kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

Theo dự báo của IMF, nền kinh tế thế giới năm 2015 sẽ phục hồi mạnh hơn, tăng trưởng toàn cầu được dự báo là 4% tăng 0,6 điểm phần trăm so với dự báo tăng trưởng năm 2014.

➤ Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Từ năm 2010 cho đến nay, lãi suất có biểu hiện tăng cao, tiếp tục biến động mạnh và diễn biến phức tạp, năm 2011, để ưu tiên ổn định nền kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, Chính phủ và ngân hàng nhà nước liên tục phát đi các tín hiệu thắt chặt tiền tệ, khiến lãi suất ngân hàng liên tục tăng cao. Năm 2011, lãi suất cho vay doanh nghiệp kỳ hạn 6 tháng – 1 năm dao động ở mức 20 – 22%/năm, thậm chí một số ngân hàng còn tự đặt ra một số loại phí, khiến mức lãi suất thực các doanh nghiệp phải vay có thể lên tới 27%/năm. Cuối năm 2011 sang đầu năm 2012, lãi suất tuy đã có dấu hiệu giảm, tuy nhiên mức lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại vẫn giữ ở mức phổ biến là 21%/năm; với mức lãi suất này khó có doanh nghiệp nào sản xuất kinh doanh hiệu quả để bù lãi mà vẫn có lợi nhuận. Tuy nhiên, đến cuối năm 2013 và kéo dài đến nửa đầu năm 2015, lãi suất ngân hàng đã giảm do lạm phát tiếp tục được kiểm soát trong mức 6% - 7% theo mục tiêu Chính phủ đề ra sẽ là cơ hội để hạ lãi suất huy động, góp phần kéo giảm lãi suất cho vay nhằm thúc đẩy tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế.

Trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi ổn định, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. Do đó những dự báo về triển vọng phát triển trong tương lai cũng như những kế hoạch kinh doanh đã đề ra của CECO có thể thay đổi theo biến động của nền kinh tế.

➤ Thị trường:

Trước tình hình khó khăn chung về kinh tế xã hội trong năm 2015 dẫn đến giảm đáng kể các dự án đầu tư nói chung và các dự án về sản xuất công nghiệp nói riêng do đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc cạnh tranh cơ hội tiếp cận các dự án của Công ty.

Hiện nay cũng đã xuất hiện rất nhiều các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam có quy mô tương tự hoặc lớn hơn, có năng lực và trình độ chuyên nghiệp tham gia vào thị trường tư vấn thiết kế, mua sắm và thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Phân bón và Hóa chất đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bền vững, phụ thuộc phần lớn vào hợp đồng DAP 2 nên không có dự án gối đầu trong giai đoạn doanh thu và khối lượng thực hiện của dự án DAP 2 giảm;

Cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp đã cổ phần mà nhà nước chiếm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các chính sách có liên quan của Chính phủ. Nhìn chung, với hệ thống luật pháp và chính sách đã và đang được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, nhất quán như hiện nay sẽ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế cũng như đáp ứng được các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Điều này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình hoạt động, CECO nói riêng và các doanh nghiệp trên cả nước nói chung luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi chính sách áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ thống các qui định của pháp luật do nhà nước ban hành thay đổi quá nhiều (đặc biệt là Luật Đấu thầu; Luật Xây dựng; các Nghị định, Thông tư về quản lý dự án ĐTXDCT, quản lý chất lượng, hợp đồng, quản lý chi phí ...), đặc biệt các gói thầu xây lắp có giá trị < 5 tỷ chỉ các công ty nhỏ và siêu nhỏ được thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án mà Công ty đã tiếp thị trước đây.

Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bỏ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc

phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

Công ty là công ty đại chúng, đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty phải thực hiện các quy định công bố thông tin theo các văn bản Luật, các Thông tư hướng dẫn liên quan rất chặt chẽ.

6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các công ty thiết kế.

- Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà công ty cho là phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, Công ty có nhiều khó khăn cả từ bên ngoài và nội tại Công ty. Nguồn việc từ các năm trước chuyển sang sụt giảm đáng kể (chủ yếu là từ doanh thu thực hiện dự án nhà máy DAP2 – Lào Cai). Hệ thống văn bản pháp lý của nhà nước về luật đấu thầu, Luật xây dựng... thay đổi quá nhiều dẫn tới việc tiếp thị các hợp đồng thiết kế, EPC được xúc tiến thực hiện mạnh tuy nhiên chưa mang lại hiệu quả ngay. Cũng theo quy định mới trong Luật đấu thầu, doanh thu các dự án dưới 5 tỷ Công ty cũng không được tiếp thị mà thuộc về các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ. Thêm nữa là việc cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp thêm một đội ngũ mới năng động hơn do nhà nước đã thực

hiện thoái vốn phần đa các công ty mà trước đây nắm quyền kiểm soát.

Vì các tác nhân nêu trên, Doanh thu thuần năm 2015 của Công ty bị giảm 33,87 % so với năm 2014, lợi nhuận sau thuế theo đó cũng giảm chỉ bằng 50,08 % so với năm 2014; cổ tức giảm 25 % so với năm 2014

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2014 (Đồng)	Năm 2015 (Đồng)	Tăng giảm so với 2014 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	241.591.339.391	306.483.294.092	26,86%
2	Doanh thu thuần	442.865.101.572	292.830.077.270	-33,87%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.680.478.888	5.153.133.444	-72,41%
4	Lợi nhuận khác	1.580.222.220	5.080.516.416	221,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	20.260.701.108	10.233.649.860	-49,49%
6	Lợi nhuận sau thuế	15.758.995.306	7.866.303.473	-50,08%
7	Tỷ lệ cổ tức (%)/ mệnh giá cổ phần	20,00%	15% (dự kiến)	-25,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015)

Vượt qua thách thức trong giai đoạn khó khăn trên thì thành công lớn nhất trong năm 2015 là Công ty đã ký hợp đồng kết hợp đồng EPC dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, trong đó phần công việc do CECO trực tiếp đảm nhiệm có giá trị khoảng 1.600 tỷ VNĐ. Dự tính, nguồn doanh thu này sẽ đủ để công ty đảm bảo nguồn việc và làm tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch năm năm 2016-2020

Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2015

Nội dung	Giá trị HD (tỷ đồng)	Số lượng Hợp đồng
Tư vấn Thiết kế	77,031	34
Thi công, xây lắp	1.663,551	65
Dịch vụ khác	2,613	12
Tổng cộng	1.743,195	111

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm - P. KHKD thống kê)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban giám đốc và lý lịch các thành viên

- ❖ Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Chức vụ	Họ và tên
-----	---------	-----------

1	Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Phó Giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó Giám đốc	Ông Trần Đăng Thái
4	Phó Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Nguyễn Mạnh Hùng
Số CMND	: 011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1961
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phường Cự khối, Quận Long Biên, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số 26, Ngách 75, ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1985 đến tháng 9/2000	: Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 10/2000 đến tháng 12/2007	: Phó phòng Thiết kế Xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ năm 2008 đến tháng 1/2011	: Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 2/2011 đến tháng 6/2011	: Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2011	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 4/2011 đến nay	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Mỏ (INCODEMIC)
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 26.000 cổ phiếu – chiếm 0,87% vốn điều lệ

– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 418.393 cổ phiếu - Chiếm 14% VDL.

- Số cổ phần của người có liên quan : 2.461 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL.
- *Họ tên người có liên quan* : Nguyễn Đình Hoàng
 - *Quan hệ* : Con ruột
 - *Chức vụ tại tổ chức giao dịch* : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT CECO 4.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế
Thù lao HĐQT INCODEMIC: 625.870 VNĐ/tháng.
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : **Nguyễn Đình Hoàng**

- Số CMND : 011076611 cấp ngày 23/10/2001 do Công an Hà Nội cấp.
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/3/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Phú – Hải Lăng – Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Quá trình công tác

- | <i>Thời gian</i> | <i>Quá trình công tác</i> |
|-----------------------------------|---|
| Từ tháng 6/1987 đến tháng 6/2002 | Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. |
| Từ tháng 7/2002 đến tháng 3/2006 | Phó phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất . |
| Từ tháng 4/2006 đến tháng 10/2008 | Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất . |
| Từ tháng 11/2008 đến nay | Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất . |

Chức vụ công tác : Phó Giám đốc Công ty
 hiện nay tại Công ty
 Chức vụ đang nắm : không
 giữ tại tổ chức khác
 Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 11.400 cổ phiếu – chiếm
 0,38% vốn điều lệ
 – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu –
 Chiếm 0% VĐL
 Số cổ phần của : Số cổ phần sở hữu cá nhân: 8.027 cổ phiếu – chiếm 0,27%
 người có liên quan : vốn điều lệ
 - *Họ tên người có* : *Phạm Thị Thu Giang*
liên quan :
 - *Quan hệ* : *Vợ*
 - *Chức vụ tại tổ chức* *Nhân viên Phòng Tổ chức - HC*
giao dịch
 Quyền lợi mâu thuẫn : Không
 với lợi ích Công ty
 Các khoản nợ đối với : Không
 Công ty
 Thù lao và các khoản : Thù lao HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội: 2.000.000
 lợi ích khác VNĐ/tháng.
 Hưởng lương theo quy chế.
 Lợi ích liên quan đối : Không
 với Công ty

Họ và tên : **Trần Đăng Hải**
Số CMND : 011826116 ngày cấp: 05/11/2008 tại: Công an Hà Nội
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 27/02/1976
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Hộ khẩu thường trú : P.401, chung cư E681, phường Liễu Giai, quận Ba Đình,
 Hà Nội
Chỗ ở hiện tại : P.401, chung cư E681, phường Liễu Giai, quận Ba Đình,
 Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên : Kỹ sư công nghệ hóa học
môn

Quá trình công tác

Thời gian **Quá trình công tác**

- Từ tháng 9/1999 đến tháng 9/2000 : Kỹ sư, Công ty Hóa phẩm Ba Nhất
- Từ tháng 11/2000 đến tháng 8/2009 : Kỹ sư, Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt, Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (nay là CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất)
- Từ tháng 8/2009 đến tháng 5/2011 : Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư - Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2013 : Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư - Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 5/2013 đến tháng 11/2014 : Trưởng phòng, Phòng Dự án DAP2, Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 11/2014 đến nay : Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.491 cổ phiếu – chiếm 0,22% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của người có liên quan : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Hưởng lương theo quy chế
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên	: Nguyễn Công Thắng
Số CMND	: 011637754 ngày cấp: 28/10/2004 tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 26/04/1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: TP Thái Bình- tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú	: Số 3, ngõ 63 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : C1802. Chung cư Đất phương nam đường Chu Văn An, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy và TBCN Hóa chất – Dầu khí

Quá trình công tác
Thời gian

Từ năm 1996 đến tháng 4/1999 : Nhân viên Phòng Thiết kế công nghệ CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
 Từ tháng 5/1999 đến tháng 3/2006 : Trưởng phòng kinh tế nghiệp vụ CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
 Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/2008 : Trưởng phòng cung ứng CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
 Từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2009 : Phó Giám đốc CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh.
 Từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2012 : Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
 Từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 : Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
 Từ tháng 02/2012 đến tháng 03/2012 : Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Máy và Thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC)
 Tháng 5/2014 : Từ nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị VMEC.
 Từ tháng 4/2012 đến tháng 01/2015 : Giám đốc Chi nhánh CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
 Từ tháng 01/2015 đến nay : Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
 Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : TV HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không.
 Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 88.779 cổ phiếu – chiếm 2,97% vốn điều lệ
 – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% VDL

- Số cổ phần của người có liên quan : Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.832 cổ phiếu – chiếm 0,36% vốn điều lệ.
- *Họ tên người có liên quan* : *Nguyễn Hương Chi*
- *Quan hệ* : *Mẹ vợ*
- *Chức vụ tại tổ chức giao dịch* : *Cán bộ hưu trí*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT: 4.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên : **Đình Đức Bộ**

Số CMND : 034062000580 ngày cấp: 24/11/2014 tại: Cục CSDKQL cư trú và DLQG về dân cư

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/07/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình

Hộ khẩu thường trú : P.502b-TT Viện TKCNHC, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại : Số 14, hẻm 76/1, ngõ Thịnh Hòa 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân vật giá.

Quá trình công tác

Thời gian : **Quá trình công tác**

Từ năm 1987 đến tháng 10/1995 : Phụ trách kế toán tại xí nghiệp sản xuất hóa chất trực thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất (CECO).

Từ tháng 11/1995 đến 2000 : Nhân viên kế toán tại phòng Tài chính Kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .

Từ 2001 đến tháng 3/2006 : Phó trưởng phòng tài chính kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
 Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/ 2011 : Kế toán trưởng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
 Từ tháng 4/2011 đến nay : Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
 Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : TV HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
 Chức vụ đang nắm giữ : Trưởng BKS Công ty CP Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam (VMEC) - Công ty con của CECO
 Số lượng cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 73.570 cổ phiếu – chiếm 2,46% vốn điều lệ
 : – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : 1.754 cổ phần - chiếm 0,06% vốn điều lệ

- *Họ tên người có liên quan* : *Đình Đức Đội*
 - *Quan hệ* : *Em Ruột*
 - *Chức vụ tại tổ chức giao dịch* : *Nhân viên Phòng Tổ chức - HC*

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao TV HĐQT CECO: 4.000.000 VNĐ/tháng, lương theo quy chế
 Thù lao Trưởng BKS VMEC: 1.500.000 VNĐ/tháng.

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 31/12/2014 Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng - Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh) giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kể từ ngày 01/01/2015.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên

TT	Nội dung	Số người
----	----------	----------

1	Trình độ đại học trở lên	230
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	10
3	Công nhân kỹ thuật	11
4	Lao động phổ thông	0
Tổng cộng		251

(Nguồn: Danh sách lao động tại thời điểm 31/12/2015)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2015:

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CECO Hà Nội với số tiền là 3.060.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 51% vốn điều lệ.

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất với số tiền là 3.060.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 51% vốn điều lệ.

- Mua cổ phần phát hành thêm của Công ty con để đảm bảo tỷ lệ chi phối >50% – Công ty CP Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam với số tiền 2.863.500.000 triệu đồng (Hai tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

b) Các công ty con:

Công ty cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp hóa chất Việt Nam (VMEC)

Bảng 5: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của VMEC trong năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/2014
1	Tổng tài sản	28.909.546.642	33.453.595.393	115,72%
2	Nợ phải trả	8.441.833.341	13.486.097.796	159,75%
3	Vốn chủ sở hữu	20.467.713.301	19.967.497.597	97,55%
4	Doanh thu thuần	43.003.105.108	31.284.088.243	72,75%
5	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.975.981.626	1.770.686.706	44,53%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.080.212.301	1.258.498.205	40,86%
7	Lợi nhuận trước thuế	3.948.990.130	1.644.913.610	41,65%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng 6: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/2014
Tổng giá trị tài sản (đồng)	241.591.339.391	306.483.294.092	126,86%

Doanh thu thuần (đồng)	442.865.101.572	292.830.077.270	66,12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	18.680.478.888	5.153.133.444	27,58%
Lợi nhuận khác (đồng)	1.580.222.220	5.080.516.416	321,51%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	20.260.701.108	10.233.649.860	50,51%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	15.758.995.306	7.866.303.473	49,92%
Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá cổ phần)	20%	15% (dự kiến)	75%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,21	1,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,96	0,96	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,73	0,79	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,08	3,74	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,83	0,96	
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	8,7	5,49	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,56%	2,69%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,85%	12,17%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,52%	2,56%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,2%	1,76%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015 của CECO)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.988.518

Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 2.988.518 cổ phần

Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

- b) Cơ cấu cổ đông
 ↓ Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	01	893.746	29,906%
2	Cổ đông tổ chức			
2.1	Tổ chức trong nước	01	70.801	2,369%
2.2	Tổ chức nước ngoài			
3	Cổ đông cá nhân			
3.1	Cá nhân trong nước	203	2.023.871	67,722%
3.2	Cá nhân nước ngoài	01	100	0,003%
Tổng cộng			2.988.518	100,00%

(Nguồn: Sổ cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt tại thời điểm 25/03/2016)

- ↓ Thông tin chi tiết cổ đông lớn

Bảng 9: Cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số 1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	893.746	29,91%
2	Dương Thị Huyền Quyên	33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	017389681	505.513	16,92%
3	Đỗ Hiên Ngang	61/36 Bình Giã, P13, Tân Bình TPHCM	024241861	217.926	7,29%
Tổng cộng					

(Nguồn: Sổ cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt tại thời điểm 25/03/2016)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2015, Công ty không tiến hành tăng vốn điều lệ, mức vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 29.885.180.000 đồng tương đương 2.988.518 cổ phần.

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

- e) Các chứng khoán khác

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2014	KH năm 2015	TH năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH 2015	Tỷ lệ % TH 2015/ 2014
Tổng doanh thu	443.498	318.000	293.081	92,16%	66,08%
Tổng chi phí	423.237	302.000	282.847	93,66%	66,83%
Lợi nhuận trước thuế	20.261	16.000	10.234	63,96%	50,51%
Thuế TNDN	4.502	3.520	2.367	67,24%	52,58%
Lợi nhuận sau thuế	15.759	12.480	7.867	63,04%	49,92%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015)

2. Tình hình tài chính
a) Tình hình tài sản
Bảng 11: Tình hình tài sản

TT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Thay đổi 2015 so với 2014 (%)
1	Tổng tài sản	241.591.339.391	306.483.294.092	126,86%
2	Tài sản ngắn hạn	210.472.014.610	276.630.305.127	131,43%
3	Phải thu ngắn hạn	78.708.939.252	107.658.585.742	136,78%
4	Tài sản dài hạn	31.119.324.781	29.852.988.965	95,93%
5	Phải thu dài hạn	6.401.525.607	6.870.145.487	107,32%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015)

b) Tình hình nợ phải trả
Bảng 12: Nợ phải trả

TT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Thay đổi 2015 so với 2014 (%)
I	I. Nợ ngắn hạn	174.073.611.330	240.142.544.723	137,95%
1	Vay và nợ ngắn hạn	91.108.486.707	9.498.779.797	10,4%
2	Phải trả người bán	50.276.237.337	39.182.995.275	77,93%

3	Người mua trả tiền trước	3.689.605.406	145.023.402.027	393,06%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.781.727.216	3.339.896.696	49,24%
5	Phải trả người lao động	7.257.958.875	2.259.621.453	31,13%
6	Chi phí phải trả	14.126.081.354	39.859.675.035	282,17%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	762.133.965	503.948.427	66,12%
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	71.380.470	474.226.013	664,36%
II	II. Nợ dài hạn	1.452.607.433	1.703.264.477	117,25%
1	Phải trả dài hạn khác	-	43.310.419	-
2	Vay dài hạn	86.833.340	-	0%
3	Quỹ dự phòng phải trả dài hạn	-	995.929.965	-
4	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.365.774.093	664.024.093	48,62%
III	Tổng Nợ phải trả	175.526.218.763	241.845.809.200	137,78%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2015, trọng tâm hoạt động của Công ty là thực hiện tái cấu trúc, nâng cao hoạt động của các chi nhánh trong đó có giải thể 03 chi nhánh: Hải Phòng, Phú Thọ và Hà Nội, đầu tư góp vốn thành lập 02 công ty con trong đó CECO nắm cổ phần chi phối là Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất (tiền thân là Chi nhánh Hải Phòng) và Công ty Cổ phần CECO Hà Nội (tiền thân là Chi nhánh Phú Thọ) bắt đầu hoạt động từ tháng 01/2016.

Thành lập 01 Văn phòng đại diện tại nước CHDCND Lào để phục vụ dự án Chế biến và khai thác muối mỏ tại nước CHDCND Lào.

Về các bộ phận nghiệp vụ, trong năm qua Công ty đã đẩy mạnh xây dựng các Quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc: Lập xong 67 hướng dẫn công việc, trong đó đã phê duyệt ban hành 8 hướng dẫn công việc, công tác soạn thảo, ban hành các quy chế quan trọng (quy chế quản lý tài chính, quy chế thực hiện các hợp đồng kinh tế...) chưa đạt kế hoạch.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2016 sẽ hoàn thành theo tiến độ như sau:

Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

(Đơn vị: tr đồng)

STT	Chỉ tiêu	KH 2016	TH 2015	KH 2016/ TH 2015
I	Tổng doanh thu	640.000	292.830	218,56%
	Tư vấn TK	80.000	82.778	
	Thi công, Mua sắm	557.000	206.636	
	Dịch vụ khác	3.000	3.416	
II	Lợi nhuận TT	15.000	7.866	190,69 %

4.2 Marketing và hợp tác phát triển

Đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2016.

Tiếp tục hoàn thiện các thể hiện vật chất khác để phục vụ cho công tác PR hỗ trợ Marketing (triển khai mặc đồng phục, thay đổi bì thư, card visit, các thể hiện bằng hình ảnh....)

Xây dựng và cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
Nâng cao uy tín thương hiệu cả bên trong (nội bộ Công ty) và bên ngoài (đối với Khách hàng), xây dựng văn hóa công ty.

Mở rộng quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty, lập kế hoạch tổ chức hội nghị khách hàng và kế hoạch chăm sóc khách hàng theo hướng chuyên nghiệp, tập trung vào các khách hàng truyền thống và một số khách hàng tiềm năng.

Tăng cường hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước đặc biệt là các đơn vị khoa học kỹ thuật trong nước, nhà cung cấp công nghệ nước ngoài, các nhà thầu EPC lớn trong khu vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn trong và ngoài ngành.

4.3 Nhân lực

Triển khai các nội dung trong Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2015, trong đó trọng tâm là việc đào tạo các đối tượng trọng điểm (33 người được chọn).

4.4 Tài chính

Lập kế hoạch tài chính cụ thể cho các dự án trọng điểm đang triển khai để có cơ sở thực hiện.

Đảm bảo nguồn vốn cho các dự án lớn và hoạt động SXKD chung của công ty.

Sửa đổi ban hành quy chế quản lý tài chính phục vụ công tác quản trị.

4.5 Quản lý khoa học kỹ thuật, chất lượng

Tổ chức hoàn thành xây dựng bộ quy trình dự án giai đoạn I với những quy trình cơ bản nhất có tính phổ quát nhất để phục vụ triển khai các dự án thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC

Tổ chức phổ biến cập nhật các văn bản HTQLCL ISO 9001:2008 hiện hành và cập nhật mới của Công ty cho tất cả các đơn vị, bộ phận trong Công ty nhằm mục tiêu đảm bảo sự nhận thức và áp dụng thường xuyên có hiệu quả.

Lên kế hoạch tổng thể về hoàn thiện HTQLCL hiện tại và chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001:2015, xây dựng bổ sung và tích hợp ba hệ thống quản lý (QES): quản lý chất lượng (Q), quản lý môi trường (E) và quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp (S). Triển khai thực hiện kế hoạch này khi được phê duyệt.

4.6 Pháp chế và kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

a./ Công tác pháp chế

Hoàn thành đăng ký năng lực hoạt động xây dựng trên website của Bộ Xây dựng; Hoàn thành xin cấp chứng chỉ năng lực của tổ chức: khảo sát địa hình, địa chất; quy hoạch; lập và thẩm tra dự án ĐTXDCT; thiết kế và thẩm tra thiết kế; quản lý dự án; thi công; giám sát thi công.

Hoàn thiện các quy chế/quy định, sửa đổi bổ sung và dự thảo mới trong năm 2015 bao gồm: Quy chế lương (sửa đổi, bổ sung) và các quy định liên quan; Quy chế Quản lý tài chính (sửa đổi, bổ sung); Quy chế thực hiện hợp đồng kinh tế (sửa đổi, bổ sung); Quy chế quản lý người đại diện phần vốn tại CTCP

b./ Công tác kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

Tổ chức kiểm toán nội bộ vào tháng 7 năm 2016.

Tổ chức giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu nại tố cáo trong CBNV Công ty (nếu có).

4.7 Tin học

Trang bị các phần mềm bản quyền đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty: phần mềm Quản lý nhân sự; thiết kế hệ thống điện (ETAP); tính toán công nghệ, ứng suất đường ống (Caesar II);

Quản lý vận hành phần mềm PDMS;

Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các module Weboffice (09 phân hệ), phổ biến cách sử dụng và yêu cầu các đơn vị cập nhập thông tin, tài liệu lên module tài liệu. Tiếp tục phát triển các module của Weboffice theo nhu cầu sử dụng của Công ty;

Hoàn thành việc xây dựng thư viện điện tử khi trang weboffice hoàn thành phân hệ thư viện đưa vào áp dụng

Phát triển cập nhật website của Công ty.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Thực hiện Nghị quyết của hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) và các công việc quản trị công ty năm 2015, cụ thể như:

+ Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 tại Hà Nội vào ngày 20/4/2015; Hội nghị ĐHĐCĐ bất thường lần 1 tại Hà Nội vào ngày 29/10/2015, Hội nghị người lao động năm 2015 và Lễ kỷ niệm 48

năm ngày thành lập Công ty tại Vũng Tàu cuối tháng 5/2015.

+ Đẩy mạnh công việc nghiệm thu và thanh quyết toán các hợp đồng EPC lớn thuộc dự án: Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc; ĐTXD Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 tại Tầng Lòong, Lào Cai; đồng thời triển khai công việc tư vấn các hợp đồng khác.

+ Công ty đã hoàn thành lập báo cáo tài chính năm 2014 (BCTC riêng, BTCC tổng hợp, BCTC hợp nhất) và thực hiện kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty. BCTC đã kiểm toán được trình bày trước Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

+ Công ty đã hoàn thành Báo cáo tài chính tổng hợp (báo cáo tài chính) của Công ty Quý, 6 tháng.

+ Thay đổi người công bố thông tin: Từ ngày 01/09/2015 ông Nguyễn Trường Giang - Trưởng phòng Pháp chế và QLTT sẽ thay ông Đinh Đức Bộ - Kế toán trưởng Công ty là người công bố thông tin. Việc công bố thông tin đã thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật.

+ Lập kế hoạch việc trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông từ ngày 30/7/2015.

+ Lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2015 vào quý III/2015 trong đó tập trung vào công tác tiền lương, công tác tài chính, kế toán.

+ Lập các kế hoạch năm 2015 trình HĐQT phê duyệt như kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch marketing, kế hoạch nghiên cứu khoa học công nghệ.

+ Để ổn định bộ máy tổ chức cán bộ, trong năm 2015 Giám đốc Công ty đã có đề xuất tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty như: Điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: 05 cấp trưởng phòng và tương đương, 09 cấp phó trưởng phòng và tương đương; giải thể 3 chi nhánh, thành lập VPĐD tại Lào, thành lập 02 công ty con...

+ Nhằm mục đích đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực, cơ cấu lại nhân sự cho phù hợp và nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên, trong năm Giám đốc Công ty đã ký các quyết định điều chuyển nhân sự giữa các đơn vị, lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2015 trình HĐQT phê duyệt.

- Để thực hiện thành công nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 và các quyết định của HĐQT tại các phiên họp, Ban Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty cần lưu ý một số việc sau:

+ Chỉ đạo kịp thời công tác sơ kết, đánh giá hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm; Lập kế hoạch SXKD hàng quý trình HĐQT, BKS theo Điều lệ quy định.

+ Chỉ đạo triển khai thực hiện các đề án, chương trình lớn của Công ty như chương trình nhiệt điện, chương trình đổi mới công nghệ thiết kế, chương trình đào tạo trọng điểm, đề án lập chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2015-2020.

+ Tăng cường công tác điều độ sản xuất, chuyên nghiệp hoá việc lập và tính tài

trọng lao động. Giao Phòng Kế hoạch - KD lập kế hoạch tài trọng lao động cho cả năm 2016 để có biện pháp bù đắp thiếu hụt về mặt công việc.

+ Bám sát Bảng mục tiêu SXKD đề ra để điều độ, đánh giá và quyết định kịp thời tại các cuộc họp giao ban tháng, quý.

+ Toàn bộ Ban Giám đốc phải nỗ lực hơn nữa trong việc tiếp thị các hợp đồng. GDCT cần bám sát công tác tiếp thị tại các chi nhánh để kịp thời tăng cường, hỗ trợ và thẩm tra cơ hội tiếp thị; đẩy nhanh việc lập cơ sở dữ liệu các nhà tổng thầu tại Việt Nam; duy trì và đẩy mạnh việc điều độ tiếp thị

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và các chi nhánh: Khá. Trong năm 2015, Ban Giám đốc gồm 4 thành viên, đã có sự phân công, phân nhiệm trong công tác điều hành tuy nhiên việc triển khai còn chậm, chưa đồng bộ trên tất cả các mặt do một số thành viên trong ban giám đốc chủ yếu tập trung vào công tác điều hành dự án.

- Về công tác tái cấu trúc chi nhánh: Khá. Thực hiện nghị quyết của HĐQT, GDCT và bộ máy điều hành đã triển khai công việc tái cấu trúc các chi nhánh trong đó giải thể 3 chi nhánh Hải Phòng, Hà Nội và Phú Thọ; góp vốn thành lập 2 công ty con do CECO nắm cổ phần chi phối là Công ty CP CECO Hà Nội (tiền thân là chi nhánh Phú Thọ) và Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất (tiền thân là chi nhánh Hải Phòng) bắt đầu hoạt động từ tháng 01/2016. Theo đánh giá của BKS về nội dung này, việc tái cấu trúc Chi nhánh Hà Nội chưa thành công.

- Về công tác quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Chưa đạt. Trong năm 2015, Công ty thực hiện chủ yếu các công việc còn lại của hợp đồng EPC DAP2, thời gian cuối năm dự án Muối Lào mới được thực hiện. Vì vậy, việc làm trong năm không lấp đầy cho số lượng lao động khoảng 250 người (không tính lao động thời vụ), năng suất lao động nói chung thấp dẫn đến các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh như giá trị SXCN, doanh thu, lợi nhuận đạt thấp, không hoàn thành như nghị quyết ĐHĐCĐ đặt ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Mục tiêu chính:

+ Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do ĐHĐCĐ giao

+ Đẩy mạnh công tác tiếp thị.

+ Thực hiện kiểm toán nội bộ (dự án DAP2)

+ Đẩy mạnh việc xây dựng các quy chế nội bộ

- Trọng tâm công tác:

+ Chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo thu nhập của người lao động trong đó trọng tâm là điều hành thực hiện dự án Muối Lào.

+ Chỉ đạo về công tác tiếp thị (xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhà thầu tư vấn, nhà cung cấp và đối tác)

- + Công tác xây dựng quy chế nội bộ của Công ty
- + Nâng cao năng lực chi nhánh (trọng tâm là Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh)
- + Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá.
- + Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là công tác đào tạo.
- + Đổi mới trong phương thức sản xuất, tiết giảm chi phí trong công tác quản trị.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

- ❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Đỗ Hiên Ngang
2	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
3	Thành viên HĐQT	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Công Thắng
5	Thành viên HĐQT	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

- ❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Đỗ Hiên Ngang
Số CMND	: 024241861. Ngày cấp: 17/12/2007 tại: Công an TP Hồ Chí Minh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07-02-1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Thụy Phú, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội
Hộ khẩu thường trú	: 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Chỗ ở hiện tại	: 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 đến tháng 5/1999	: Nhân viên Chi nhánh (CN) Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 6/1999 đến	: Phó Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất

tháng 7/2001	:	tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 8/2001 đến tháng 3/2006	:	Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2006 đến tháng 7/2009	:	Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc CN CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh .
Từ tháng 8/2009 đến tháng 6/2011	:	Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến nay	:	Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	không
Số cổ phần nắm giữ	:	- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 205.373 cổ phiếu - chiếm 6,87% vốn điều lệ - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 475.353 cổ phiếu - Chiếm 15,91% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên : Nguyễn Mạnh Hùng

Đã nêu trong phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên : Đinh Đức Bộ

Đã nêu trong phần lý lịch Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Công Thắng

Đã nêu trong phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Hồng Hạnh

Số hộ chiếu : B3429729 cấp ngày 04/09/2009 tại Cục XNC Việt Nam

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 28/01/1976

Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Thái Nguyên
 Hộ khẩu thường trú : P.516A, nhà C5, Khu tập thể Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 Chỗ ở hiện tại : A1103, Chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế hóa chất

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 6/1997 đến tháng 8/2009	: Kỹ sư - Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 7/2011	: Phó trưởng phòng – Phòng Quản lý thông tin và Đấu thầu thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến tháng 12/2011	: Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2013	: Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 11/2013 đến tháng 7/2014	: Phó trưởng phòng - Phòng Dự án DAP2 thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2014	: Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2014 đến nay	: Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phiếu – chiếm 0,15% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	: 400 cổ phiếu – chiếm 0,01% VDL.
- Họ tên người có liên quan	: Nguyễn Tuấn Phong
- Quan hệ	: Em ruột
- Chức vụ tại tổ chức giao dịch	: Kỹ sư Phòng Thiết kế Điện – ĐL – TĐH
Quyền lợi mâu thuẫn	: Không

với lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không

Công ty

Thù lao và các khoản : Thù lao HĐQT Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp
lợi ích khác hóa chất: 2.000.000 VNĐ/tháng.

Thù lao HĐQT CECO: 4.000.000 VNĐ/tháng, hưởng
lương theo quy chế.

Lợi ích liên quan đối : Không

với Công ty

❖ **Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị đã tổ chức 8 cuộc họp, cụ thể:

- Phiên II.29 họp ngày 12/3/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Thông qua kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014;

+ Phê duyệt các kế hoạch năm 2015 (Kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính - đầu tư, tiếp thị, Phát triển nguồn nhân lực và phát triển khoa học - kỹ thuật - chất lượng);

+ Rà soát việc thực hiện các Chương trình và Đề án quản trị Công ty: Chương trình nhiệt điện, Chương trình đổi mới công nghệ thiết kế, Chương trình đào tạo trọng điểm, Đề án lập Chiến lược Công ty, Đề án Tái cấu trúc các chi nhánh, Đề án phát triển trụ sở Xuân Phương.

+ Phân công triển khai việc chuẩn bị cho hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015;

Công tác cán bộ:

- Phiên II.30 họp ngày 03/4/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Chỉ đạo người đại diện phần vốn CECO tại công ty con (VMEC) về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

+ Thông qua chương trình chi tiết hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của CECO.

+ Thông qua nội dung các tài liệu trình hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

- Phiên II.31 họp ngày 27/4/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Thảo luận các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đảm bảo các chỉ tiêu chính năm 2015.

+ Chủ trương về việc thành lập Văn phòng đại diện (VPĐD) tại Lào và phân công nhân sự cụ thể.

+ Thảo luận các biện pháp triển khai công tác tiếp thị chiến lược.

- Phiên II.32 họp ngày 15/6/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

Họ và tên : Nguyễn Văn Bằng
Số CMND : 010101353 ngày cấp: 16/11/2005 tại: Công an Hà Nội.
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 25/07/1946
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú : Nhà 87, ngõ 25, phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại : Nhà 87, ngõ 25, phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1970 đến năm 1995	: Công tác tại Phòng Thiết kế Xây dựng Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ năm 1996 đến tháng 2/2001	: Phó Giám đốc Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 3/2001 đến tháng 4/2006	: Giám đốc Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 5/2006 đến tháng 7/2009	: Thành viên HĐQT - Giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 12/2009 đến tháng 3/2011	: Nghỉ hưu theo chế độ
Từ tháng 4/2011 đến nay	: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 38.000 cổ phiếu - chiếm 1,27% vốn điều lệ - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	: 5.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ
- Họ tên người có liên quan	: Nguyễn Thu Trang
- Quan hệ:	: Con đẻ

- Chức vụ tại tổ chức : Không giao dịch
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : 4.000.000 VNĐ/tháng
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

+ Thông qua phương án trả cổ tức năm 2014.

+ Xem xét một số nội dung liên quan đến hợp đồng EPC Muối Lào.

+ Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ.

+ Thông qua chủ trương huy động vốn của cán bộ nhân viên đợt 2 năm 2015 theo Tờ trình của Giám đốc Công ty

- Phiên II.33 họp ngày 20/7/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của HĐQT phiên II.32.

+ Xem xét đề xuất thay đổi người đại diện phần vốn CECO tại Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (TANICHEM).

+ Thảo luận các biện pháp sắp xếp trụ sở làm việc của CECO và phương án giải quyết nhà Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015.

+ Rà soát, cập nhật kế hoạch tiếp thị chiến lược theo nội dung tại phiên họp II.31 ngày 27/4/2015.

Phân công soạn thảo Điều lệ Công ty mới phù hợp Luật Doanh nghiệp 2014.

- Phiên II.34 họp ngày 20/7/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung.

+ Xem xét chủ trương đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Xuân Phương.

+ Các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng EPC Dự án Muối Lào.

+ Thảo luận biện pháp đảm bảo vốn SXKD khi khởi động hợp đồng EPC Dự án Muối Lào.

+ Thay đổi người công bố thông tin.

2. Ban kiểm soát

❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng BKS	Ông Nguyễn Văn Bang
2	Thành viên BKS	Bà Nguyễn Thị Bích
3	Thành viên BKS	Bà Nguyễn Thị Kim Liên

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Nguyễn Thị Bích
Số CMND	: 033176000020, cấp ngày 22/5/2013. Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 15/9/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hưng Yên
Hộ khẩu thường trú	: Số nhà 51, tổ 60, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Số 1- Lô III.4-151A Nguyễn Đức Cảnh, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử Nhân Kinh tế

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ năm 1999 tới năm 2000	: Chuyên viên lao động tiền lương, Phòng Tổ chức - HC CTCP Phát Triển phụ gia và sản phẩm Dầu mỏ (APP)
Từ năm 2000 tới năm 2008	: Kế toán thông kê, xí nghiệp kinh doanh CTCP APP
Từ năm 2009 tới năm 2010	: Chuyên viên lao động tiền lương phòng Tổng hợp – CTCP APP
Từ năm 2010 đến tháng 3/2012	: Chuyên viên lao động tiền lương, Ban Tổ chức Nhân sự - Tập đoàn hóa chất Việt Nam
Từ tháng 4/2012 đến nay	: Chuyên viên lao động tiền lương, Ban Tổ chức Nhân sự - Tập đoàn hóa chất Việt Nam; Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thiết kế Công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên BKS.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của người có liên quan : Không có.
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS: 2.500.000 VNĐ/tháng.
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Họ và tên : **Nguyễn Thị Kim Liên**
Số CMND : 011170258 ngày cấp: 08/11/2006, nơi cấp Công an Hà Nội
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 15/8/1953
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Quảng lộc, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng bình
Hộ khẩu thường trú : 24C Cao Bá Quát, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại : 24C Cao Bá Quát, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện khí hóa.

Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ tháng 5/1976 đến tháng 7/2004	: Kỹ sư điện Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 8/2004 đến tháng 8/2005	: Phó phòng Xuất bản Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 9/2005 đến tháng 12/2005	: Trưởng phòng Xuất bản Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2006 đến tháng 12/2009	: Trưởng phòng Xuất bản, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2010 đến 3/2011	: Nghỉ hưu theo chế độ, giữ nhiệm vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 4/2011 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 41.332 cổ phiếu – chiếm 1,38% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	1.865 cổ phiếu – chiếm 0,06% vốn điều lệ.
- <i>Họ tên người có liên quan</i>	:	<i>Nguyễn Sĩ Hà</i>
- <i>Quan hệ</i>	:	<i>Con đẻ</i>
- <i>Chức vụ tại tổ chức giao dịch</i>	:	<i>Không</i>
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao BKS: 2.500.000 VNĐ/tháng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức 5 cuộc họp, cụ thể:

- **Phiên 19 họp ngày 01/04/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Đánh giá kết quả SXKD năm 2014 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2015 của Công ty.

+ Xem xét, thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất của Công ty kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

+ Về việc lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2015.

+ Về việc thông qua toàn văn dự thảo báo cáo của BKS trình Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.

- **Phiên 20 họp ngày 17/4/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Rà soát công tác tổ chức hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2015.

+ Rà soát các tài liệu phục vụ hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2015.

- **Phiên 21 họp ngày 15/5/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015.

+ Đánh giá, giám sát đối với HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành về

việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015, về kết quả SXKD quý I/2015.

- **Phiên 22 họp ngày 30/7/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2015 và các giải pháp thực hiện SXKD 6 tháng cuối năm 2015.

+ Đánh giá, giám sát đối với HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015.

+ Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2015.

- **Phiên 23 họp ngày 27/10/2015 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:**

+ Đánh giá, giám sát hoạt động, kết quả SXKD quý III và 9 tháng đầu năm 2015 của Công ty.

+ Đánh giá, giám sát đối với HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về kết quả quản lý, điều hành Công ty trong Quý III và 9 tháng đầu năm 2015.

- **Đánh giá các phiên họp của BKS**

+ Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự. Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.

+ Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức HC, Trưởng phòng Kế hoạch KD, Trưởng phòng Pháp chế,... Các thành viên BKS đã chất vấn đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- **Lương:**

+ Chủ tịch HĐQT làm nhiệm vụ chuyên trách, Ban Giám đốc được hưởng lương theo Quy chế Lương của Công ty gồm lương quản lý và lương bổ sung. Hệ số để tính lương quản lý của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bằng Giám đốc Công ty.

+ Các thành viên HĐQT không hưởng lương, chỉ có thù lao. Trường hợp kiêm nhiệm công tác điều hành thì được hưởng lương theo vị trí điều hành.

+ Các thành viên BKS không hưởng lương, chỉ có thù lao.

- **Thưởng:** Năm 2015 do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, không hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao nên HĐQT không đề xuất chi thưởng cho HĐQT và ban điều hành.

- **Thù lao:** Các thành viên trong HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, cụ thể:

Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS

Nội dung	Thù lao/tháng	Năm 2015 (VND)
I. Mức thù lao của HĐQT		
1. Chủ tịch HĐQT	Không	
2. Thành viên HĐQT (4 thành viên)	4.000.000 đồng/tháng	192.000.000
II. Mức thù lao của BKS		
1. Trưởng BKS	4.000.000 đồng/tháng	48.000.000
2. Thành viên BKS (2 thành viên)	2.500.000 đồng/tháng	60.000.000
Tổng cộng mức thù lao trả/năm		300.000.000

b) *Giao dịch của cổ đông nội bộ:*

Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Đỗ Hiên Ngang	CĐNB	65.314	2,19	217.926	7,29	Mua
2	Nguyễn Mạnh Hùng	CĐNB	18.000	0,6	26.000	0,87	Mua
3	Nguyễn Công Thắng	CĐNB	86.779	2,9	88.779	2,97	Mua
4	Đình Đức Bộ	CĐNB	73.570	2,46	79.570	2,66	Mua
5	Nguyễn Hồng Hạnh	CĐNB	2.600	0,09	4.600	0,15	Mua, bán
6	Nguyễn Văn Bang	CĐNB	36.000	1,2	38.000	1,27	Mua

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.*

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

HĐQT và ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ công ty, các quy định về quản trị công ty đại chúng theo quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần thiết kế Công nghiệp hóa chất tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các

thuyết minh kèm theo được ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán
(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Mạnh Hùng

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp
Hóa chất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0100103520 ngày 13 tháng 6 năm 2015
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 13 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 13 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hiền Ngang Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ông Đinh Đức Bộ Ông Nguyễn Công Thắng Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ông Văn Đức Thắng Ông Trần Đăng Thái Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Bang Bà Nguyễn Thị Bích Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 21A, Phố Cát Linh Phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc



Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 3 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-098-b



Đàm Xuân Lam

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		276.630.305.127	210.472.014.610
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	117.454.630.871	79.425.908.865
Tiền	111		37.454.630.871	79.425.908.865
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.658.585.742	78.708.939.252
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	97.697.310.332	62.273.213.844
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.882.486.104	6.870.926.551
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	5.964.545.860	11.250.987.774
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.885.756.554)	(1.686.188.917)
Hàng tồn kho	140	9	45.591.494.570	43.818.524.206
Hàng tồn kho	141		45.591.494.570	43.818.524.206
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.925.593.944	8.518.642.287
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.496.089.940	8.518.642.287
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		429.504.004	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		29.852.988.965	31.119.324.781
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.870.145.487	6.401.525.607
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	6.870.145.487	6.401.525.607
Tài sản cố định	220		19.370.186.614	20.610.908.366
Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.088.713.899	16.700.662.591
Nguyên giá	222		35.449.749.624	33.277.713.931
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.361.035.725)	(16.577.051.340)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.281.472.715	3.910.245.775
Nguyên giá	228		4.970.216.400	5.080.216.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.688.743.685)	(1.169.970.625)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	25.571.626	1.109.430.679
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.571.626	1.109.430.679
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.638.000.000	1.638.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	1.638.000.000	1.638.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.949.085.238	1.359.460.129
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.949.085.238	1.359.460.129
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		306.483.294.092	241.591.339.391

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		241.845.809.200	175.526.218.763
Nợ ngắn hạn	310		240.142.544.723	174.073.611.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	39.182.995.275	50.276.237.337
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6(c)	145.023.402.027	3.689.605.406
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	3.339.896.696	6.781.727.216
Phải trả người lao động	314		2.259.621.453	7.257.958.875
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	39.859.675.035	14.126.081.354
Phải trả ngắn hạn khác	319		503.948.427	762.133.965
Vay ngắn hạn	320	17(a)	9.498.779.797	91.108.486.707
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		474.226.013	71.380.470
Nợ dài hạn	330		1.703.264.477	1.452.607.433
Phải trả dài hạn khác	337		43.310.419	-
Vay dài hạn	338	17(b)	-	86.833.340
Dự phòng phải trả dài hạn	342		995.929.965	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		664.024.093	1.365.774.093
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		64.637.484.892	66.065.120.628
Vốn chủ sở hữu	410	18	64.637.484.892	66.065.120.628
Vốn cổ phần	411	19	29.885.180.000	29.885.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.885.180.000	29.885.180.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.121.683.888	9.778.628.867
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.711.805.410	17.259.066.486
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		5.203.042.135	2.875.899.341
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.508.763.275	14.383.167.145
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.918.815.594	9.142.245.275
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		306.483.294.092	241.591.339.391

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:


 Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Mạnh Hùng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	293.081.678.261	443.498.417.129
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	251.600.991	633.315.557
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	292.830.077.270	442.865.101.572
Giá vốn hàng bán	11	23	245.245.412.117	387.610.433.156
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		47.584.665.153	55.254.668.416
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	848.778.203	394.205.813
Chi phí tài chính	22	25	6.649.528.072	7.759.591.309
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.496.238.210</i>	<i>7.600.199.707</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	36.630.781.840	29.208.804.032
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		5.153.133.444	18.680.478.888
Thu nhập khác	31	27	5.524.037.553	1.685.518.439
Chi phí khác	32		443.521.137	105.296.219
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.080.516.416	1.580.222.220
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.233.649.860	20.260.701.108
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.367.346.387	4.501.705.802
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		7.866.303.473	15.758.995.306

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		7.866.303.473	15.758.995.306
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.304.174.275	14.383.167.145
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		562.129.198	1.375.828.161
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.178	4.813

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.233.649.860	20.260.701.108
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.789.600.267	4.588.918.754
Các khoản dự phòng	03		1.195.497.602	279.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(110.028.544)	(9.893.061)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(853.790.838)	(1.058.205.812)
Chi phí lãi vay	06		6.496.238.210	7.600.199.707
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		20.751.166.557	31.661.120.696
Biến động các khoản phải thu	09		(27.024.785.664)	41.626.802.308
Biến động hàng tồn kho	10		(1.772.970.364)	1.459.632.038
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		148.450.332.742	(50.818.202.241)
Biến động chi phí trả trước	12		(589.625.109)	(343.846.290)
			139.814.118.162	23.585.506.511
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.170.055.534)	(7.624.599.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.783.254.062)	(4.494.150.156)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	30.087.852.073
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.912.307.666)	(16.475.446.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.948.500.900	25.079.162.399
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.465.019.462)	(4.868.378.896)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		22.409.091	-
Thu lãi tiền gửi	27		831.381.747	106.189.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(611.228.624)	(4.762.189.135)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		157.313.096.589	262.018.253.782
Tiền trả nợ gốc vay	34		(239.009.636.839)	(209.424.384.818)
Tiền trả cổ tức	36		(6.722.038.564)	(6.305.615.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(88.418.578.814)	46.288.253.664
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		37.918.693.462	66.605.226.928
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	79.425.908.865	12.813.319.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		110.028.544	7.362.013
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	117.454.630.871	79.425.908.865

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:


 Trần Ngọc Sơn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Mạnh Hùng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và công ty con là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con), 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các chi nhánh sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ	Phú Thọ, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi	Quảng Ngãi, Việt Nam

Chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	Lĩnh vực hoạt động	Lợi ích và quyền biểu quyết	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và công ty con có 382 nhân viên (1/1/2015: 385 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và công ty con các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(r)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 40 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao với thời hạn không xác định không được khấu hao.

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng hoạt động của Công ty và công ty con chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là tư vấn thiết kế và xây lắp các công trình ngành công nghiệp hóa chất tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.017.953.864	975.066.463
Tiền gửi ngân hàng	35.436.677.007	78.450.842.402
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	-
	117.454.630.871	79.425.908.865

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần DAP số 2	51.212.122.649	5.478.190.309
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	6.198.690.007	5.184.566.151
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	5.054.694.538	1.274.512.638
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.935.178.765	2.892.869.630
Tổng Công ty Phát điện 1	3.474.520.171	2.952.006.144
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	1.674.434.907	8.549.606.933
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển nhà Hà Nội 22	655.920.878	1.619.920.878
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	60.171.600	1.705.981.200
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	-	12.901.946.925
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	-	3.150.000.000
Các khách hàng khác	25.431.576.817	16.563.613.036
	97.697.310.332	62.273.213.844

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần DAP số 2	51.212.122.649	5.478.190.309
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	6.198.690.007	5.184.566.151
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	5.054.694.538	1.274.512.638
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	60.171.600	1.705.981.200
	62.525.678.794	13.643.250.298

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	132.467.703.877	-
Các khách hàng khác	12.555.698.150	3.689.605.406
	145.023.402.027	3.689.605.406

(d) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	132.467.703.877	-

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tạm ứng cho nhân viên	4.104.582.709	9.031.896.545
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	996.141.741	859.058.241
Phải thu bảo hiểm xã hội	43.899.314	160.619.219
Kí cược, kí quỹ	-	67.689.402
Phải thu khác	819.922.096	1.131.724.367
	5.964.545.860	11.250.987.774

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Kí cược, kí quỹ	6.870.145.487	6.401.525.607

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH								
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-
Công ty CP Phân lân								
Nung cháy Lào Cai	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Khác	Trên 3 năm	545.479.554	(545.479.554)	-	Trên 3 năm	345.911.917	(345.911.917)	-
		<u>1.885.756.554</u>	<u>(1.885.756.554)</u>	-		<u>1.686.188.917</u>	<u>(1.686.188.917)</u>	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (1.885.756.554) (1.686.188.917)

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Nguyên vật liệu	525.929.280	400.743.555
Công cụ và dụng cụ	42.865.650	15.582.828
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.981.575.326	43.402.197.823
Hàng hóa	41.124.314	-
	45.591.494.570	43.818.524.206

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.572.659.593	7.163.814.758	744.217.272	9.797.022.308	33.277.713.931
Tăng trong năm	-	774.800.000	60.000.000	-	834.800.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	206.771.455	1.507.307.060	-	-	1.714.078.515
Thanh lý	-	(158.978.182)	-	(217.864.640)	(376.842.822)
Số dư cuối năm	15.779.431.048	9.286.943.636	804.217.272	9.579.157.668	35.449.749.624
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.036.607.299	4.279.634.662	339.131.153	4.921.678.226	16.577.051.340
Khấu hao trong năm	864.928.578	971.201.529	154.176.696	1.170.520.404	3.160.827.207
Thanh lý	-	(158.978.182)	-	(217.864.640)	(376.842.822)
Số dư cuối năm	7.901.535.877	5.091.858.009	493.307.849	5.874.333.990	19.361.035.725
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.536.052.294	2.884.180.096	405.086.119	4.875.344.082	16.700.662.591
Số dư cuối năm	7.877.895.171	4.195.085.627	310.909.423	3.704.823.678	16.088.713.899

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 8.823 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 6.641 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 7.382 triệu VND (1/1/2015: 837 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.377.166.400	2.703.050.000	5.080.216.400
Xóa sổ	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối năm	2.377.166.400	2.593.050.000	4.970.216.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	30.332.313	1.139.638.312	1.169.970.625
Khấu hao trong năm	40.443.084	588.329.976	628.773.060
Xóa sổ	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối năm	70.775.397	1.617.968.288	1.688.743.685
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.346.834.087	1.563.411.688	3.910.245.775
Số dư cuối năm	2.306.391.003	975.081.712	3.281.472.715

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.587 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con (Thuyết minh 17).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	1.109.430.679	-
Tăng trong năm	630.219.462	1.219.430.679
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.714.078.515)	(110.000.000)
Số dư cuối năm	25.571.626	1.109.430.679

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015 and 1/1/2015		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			
Đầu tư góp vốn vào:							
• Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
			Đã phân loại lại	
Công ty TNHH Sino Channel Asia	15.562.215.789	15.562.215.789	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	3.901.756.213	3.901.756.213	22.909.250	22.909.250
Công ty Cổ phần Nhật Nam	3.583.163.336	3.583.163.336	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bắc Miền Trung	1.786.143.400	1.786.143.400	932.311.901	932.311.901
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	1.675.882.942	1.675.882.942	8.332.223.749	8.332.223.749
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật và Xây dựng Công nghiệp	1.618.670.369	1.618.670.369	615.994.269	615.994.269
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ	1.233.918.750	1.233.918.750	85.000.000	85.000.000
Công ty TNHH Chế tạo máy Phú Minh	391.126.780	391.126.780	1.998.967.330	1.998.967.330
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế 3T	56.680.946	56.680.946	1.454.200.000	1.454.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	-	3.271.894.845	3.271.894.845
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	-	-	2.904.278.400	2.904.278.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng	-	-	2.499.802.108	2.499.802.108
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	-	-	2.117.933.982	2.117.933.982
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Lan Anh	-	-	2.076.172.577	2.076.172.577
Công ty Cổ phần Lisemco 2	-	-	1.863.918.586	1.863.918.586
Công ty TNHH Quảng Thành	-	-	1.099.969.200	1.099.969.200
Các nhà cung cấp khác	9.373.436.750	9.373.436.750	21.000.661.140	21.000.661.140
	39.182.995.275	39.182.995.275	50.276.237.337	50.276.237.337

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.486.527.913	21.800.670.121	(6.923.432.334)	(16.777.814.439)	1.585.951.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.913.649.999	2.367.346.387	(3.783.254.062)	-	1.497.742.324
Thuế thu nhập cá nhân	300.676.871	1.400.126.946	(1.455.735.706)	-	245.068.111
Các loại thuế khác	80.872.433	377.951.513	(447.688.946)	-	11.135.000
	6.781.727.216	25.946.094.967	(12.610.111.048)	(16.777.814.439)	3.339.896.696

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước chi phí các công trình	39.501.858.484	14.094.447.479
Trích trước chi phí lãi vay	357.816.551	31.633.875
	39.859.675.035	14.126.081.354

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	90.847.986.711	90.847.986.711	157.313.096.589	(238.749.136.843)	9.411.946.457	9.411.946.457
Vay dài hạn đến hạn trả	260.499.996	260.499.996	86.833.340	(260.499.996)	86.833.340	86.833.340
	91.108.486.707	91.108.486.707	157.399.929.929	(239.009.636.839)	9.498.779.797	9.498.779.797

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoàn Kiếm	VND	7,5%	-	38.932.561.309
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Ba Đình	VND	7,5%	-	40.035.425.402
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Đa	VND	7,5%	990.380.800	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai (*)	VND	7,0%	4.961.565.657	-
Vay cá nhân	VND	9,5%	3.460.000.000	11.880.000.000
			9.411.946.457	90.847.986.711

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 1.587 triệu VND (Thuyết minh 11) và tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 6.685 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh 10).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	86.833.340	347.333.336
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(86.833.340)	(260.499.996)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	86.833.340

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015	1/1/2015
				VND	VND
Khoản vay ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	9,5%	2016	86.833.340	347.333.336

Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị ghi sổ là 697 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 837 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	29.885.180.000	4.731.913.124	1.213.208.792	14.259.671.633	7.314.171.138	57.404.144.687
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	1.005.000.000	1.005.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	14.383.167.145	1.375.828.161	15.758.995.306
Phân bổ vào các quỹ	-	3.192.052.996	641.453.955	(3.833.506.951)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(1.573.229.341) (5.977.036.000)	(16.754.024) (536.000.000)	(1.589.983.365) (6.513.036.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	29.885.180.000	7.923.966.120	1.854.662.747	17.259.066.486	9.142.245.275	66.065.120.628
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 33)</i>	-	1.854.662.747	(1.854.662.747)	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại	29.885.180.000	9.778.628.867	-	17.259.066.486	9.142.245.275	66.065.120.628
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.304.174.275	562.129.198	7.866.303.473
Phân bổ vào các quỹ	-	4.343.055.021	-	(4.343.055.021)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(2.531.344.330) (5.977.036.000)	(82.058.879) (703.500.000)	(2.613.403.209) (6.680.536.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	29.885.180.000	14.121.683.888	-	11.711.805.410	8.918.815.594	64.637.484.892

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	29.885.180.000	2.988.518	29.885.180.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	29.885.180.000	2.988.518	29.885.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2015. Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 (2014: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013).

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	689.967	15.489.585.166	9.612	206.424.862
LAK	3.000.000.000	7.350.000.000	-	-
EUR	60.092	1.469.001.943	103	2.908.231
		<u>24.308.587.109</u>		<u>209.333.093</u>

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	248.572.940.366	392.748.639.420
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	24.828.935.206	39.614.466.903
▪ Bán hàng	16.263.497.223	7.377.683.312
▪ Doanh thu khác	3.416.305.466	3.757.627.494
	<hr/> 293.081.678.261	<hr/> 443.498.417.129
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(251.600.991)	(633.315.557)
	<hr/> 292.830.077.270	<hr/> 442.865.101.572
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 292.830.077.270	<hr/> <hr/> 442.865.101.572

23. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	213.334.035.880	357.023.664.889
Hoạt động tư vấn thiết kế	16.512.971.326	22.688.650.818
Hoạt động bán hàng	13.089.361.102	6.316.842.762
Hoạt động khác	2.309.043.809	1.581.274.687
	<hr/> 245.245.412.117	<hr/> 387.610.433.156
	<hr/> <hr/> 245.245.412.117	<hr/> <hr/> 387.610.433.156

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	831.381.747	101.211.790
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.918.520	288.016.052
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.477.936	4.977.971
	<hr/> 848.778.203	<hr/> 394.205.813

25. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	6.496.238.210	7.600.199.707
Lỗ chênh lệch tỷ giá	149.331.000	158.599.432
Chi phí tài chính khác	3.958.862	792.170
	<hr/> 6.649.528.072	<hr/> 7.759.591.309

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương	15.221.522.216	12.891.883.659
Chi phí đồ dùng văn phòng	273.030.782	340.172.209
Chi phí khấu hao	1.327.737.262	1.320.916.142
Thuế, phí và lệ phí	534.227.305	446.030.328
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	199.567.637	279.400.000
Chi phí bảo hiểm	1.273.631.210	991.598.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.801.065.428	12.938.802.837
	<hr/> 36.630.781.840	<hr/> 29.208.804.032

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	22.409.091	1.685.487.332
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	5.499.805.725	-
Các khoản khác	1.822.737	31.107
	5.524.037.553	1.685.518.439

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	193.603.253.216	321.985.521.481
Chi phí nhân công	58.256.855.896	74.140.154.069
Chi phí khấu hao	3.789.600.267	4.588.918.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.010.551.504	14.838.150.566
Chi phí khác	250.717.568	697.115.673

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.351.061.707	4.501.705.802
Dự phòng thiếu các năm trước	16.284.680	-
	2.367.346.387	4.501.705.802

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.233.649.860	20.260.701.108
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.251.402.969	4.457.354.244
Chi phí không được khấu trừ thuế	99.658.738	44.351.558
Dự phòng thiếu các năm trước	16.284.680	-
	2.367.346.387	4.501.705.802

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty là 7.304.174.275 VND (2014: 14.383.167.145 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.988.518 cổ phiếu (2014: 2.988.518 cổ phiếu), chi tiết như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	7.304.174.275	14.383.167.145
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(795.411.000)	-
	6.508.763.275	14.383.167.145
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	2.988.518	2.988.518
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.178	4.813

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trính từ lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Công ty và công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ thêm vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty và công ty con trích thêm quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng sẽ giảm đi.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến (Thuyết minh 4(r)).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức	3.153.636.000	3.153.636.000
Cung cấp dịch vụ	2.552.195.173	3.036.471.367
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	1.622.240.000	-
Công ty Cổ phần DAP số 2		
Cung cấp dịch vụ	114.970.318.928	307.678.748.303
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào		
Cung cấp dịch vụ	73.777.671.150	8.447.263.631
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Cung cấp dịch vụ	8.202.873.312	7.299.263.369
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		
Cung cấp dịch vụ	7.850.869.836	24.239.212.128
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Cung cấp dịch vụ	2.639.664.144	804.674.546
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển		
Cung cấp dịch vụ	836.002.395	1.818.181.818
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.588.440.909	1.205.108.182
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix		
Cung cấp dịch vụ	1.037.664.000	7.079.138.466
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền		
Cung cấp dịch vụ	-	262.200.000

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bột giặt Net Cung cấp dịch vụ	-	560.000.000
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình Cung cấp dịch vụ	-	286.299.359
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam Cung cấp dịch vụ	453.700.000	1.254.140.046
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông Cung cấp dịch vụ	-	410.916.394
Ban QLDA Đạm Ninh Bình Cung cấp dịch vụ	-	51.828.182
Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam Cung cấp dịch vụ	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn Cung cấp dịch vụ	-	139.897.900
Thành viên Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng	2.773.325.757	2.286.307.620
Thành viên Hội đồng Quản trị Tiền thù lao	457.000.000	300.000.000

12042
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 HỮU
 HỮU
 M - T

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra các Quyết định 386/QĐ-CECO, 387/QĐ-CECO, 388/QĐ-CECO về việc giải thể chi nhánh tại Hải Phòng và thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất; giải thể chi nhánh tại Phú Thọ và thành lập Công ty Cổ phần CECO Hà Nội; và giải thể chi nhánh tại Hà Nội và sáp nhập vào văn phòng công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần CECO Hà Nội có vốn điều lệ mỗi công ty là 6 tỷ VND trong đó Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nắm giữ 51%. Các quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty và công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	11.250.987.774	2.136.401.827
Tài sản ngắn hạn khác	-	9.114.585.947
Phải thu dài hạn khác	6.401.525.607	-
Tài sản dài hạn khác	-	6.401.525.607
Phải trả người bán ngắn hạn	50.276.237.337	45.833.149.989
Phải trả ngắn hạn khác	762.133.965	5.205.221.313
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.854.662.747
Quỹ đầu tư phát triển	9.778.628.867	7.923.966.120

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Trần Ngọc Sơn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

